

Số: 2/60/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 31 tháng 12 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

V/v Bồi thường, hỗ trợ bổ sung lần 2 dự án: Khu lâm viên thành phố

**UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu V/v ban hành quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 2029/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND thành phố Lai Châu V/v phê duyệt bổ sung lần 2 phương án bồi thường, hỗ trợ dự án: Khu lâm viên thành phố;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 1428/TTr-TNMT ngày 31/12/2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị Hồng - Cư trú tại Tổ 14, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là: **85.219.727 đồng.**

(Bằng chữ: Tám mươi lăm triệu hai trăm mười chín nghìn bảy trăm hai bảy đồng).

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt bổ sung lần 2 phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND phường Tân Phong.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình bà Nguyễn Thị Hồng có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc: Trung tâm phát triển quỹ đất, Ban Quản lý dự án thành phố; Chủ tịch UBND phường Tân Phong; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Hữu Cam



**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ**

**Dự án: Khu lâm viên thành phố Lai Châu**

Kèm theo Quyết định số: 2160 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2019 của UBND thành phố Lai Châu

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Phương án thẩm định		
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
1	Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng				
	Địa chỉ thường trú: Tổ 14 phường Tân Phong				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ ( a+b+c).				85.219.727
a	Về đất				14.681.200
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	431,8		
2	Loại đất:				
	Đất trồng cây lâu năm	m <sup>2</sup>	431,8	34.000	14.681.200
	Vị trí: vị trí 1				
	Nguồn gốc: Nhận chuyển nhượng 1 phần đất của bà Huệ Lập trước năm 1990 (không giấy tờ). Một phần diện tích mượn của nông trường từ năm 1990 (không giấy tờ) phần diện tích này không nằm trong phần diện tích bàn giao của công ty chèn cho thành phố. Đối chiếu HSDC phần diện tích chồng lấn là 78,7 m <sup>2</sup> lên thửa đất 92 TBD 7 và 34,5 m <sup>2</sup> lên thửa 108 TBD 7 được xác định có cùng nguồn gốc nêu trên, hiện trạng sử dụng ổn định không tranh chấp với những hộ liền kề. Nguyên nhân chồng lấn là do sai số giữa các lần đo đạc và là đất gia đình tự bỏ ra để làm đường đi.				
b	Về tài sản vật kiến trúc				5.141.745
1	Thép V dày 2 ly 0,5*0,5	m	15,0	46.583	698.745
2	Lưới B40 (12*1,5)	m <sup>2</sup>	18,0	25.000	450.000
3	Hào đào thủ công (55*1,1*0,8)	m <sup>3</sup>	48,40	82.500	3.993.000
b	Về cây cối hoa màu				13.793.182
1	Cây lấy gỗ đường kính từ 5-10 cm	cây	5,0	30.000	150.000
2	Cây bưởi trồng hạt năm thứ 1	cây	1,0	42.000	42.000
3	Cây lấy gỗ D=10-25cm	cây	5,0	42.000	210.000
4	5 Cây lấy gỗ đường kính 35 cm cao 6m	m <sup>3</sup>	2,89	480.000	1.389.150
5	Cây mít trồng hạt năm thứ 3	cây	1,0	132.000	132.000
6	Cây ôi trồng hạt năm thứ 4	cây	3,0	192.000	576.000
7	2 cây lấy gỗ đường kính 40cm cao 7 m	m <sup>3</sup>	1,76	480.000	844.032
8	Sản lượng chè 350 m <sup>2</sup> *25 tấn/ha*2 năm	kg	1900	5.500	10.450.000
c	Về chính sách hỗ trợ				51.603.600
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại điều 17 Quyết định 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3 lần giá đất trồng cây lâu năm).	m <sup>2</sup>	431,8	102.000	44.043.600
2	Hỗ trợ ổn định đời sống mất đất từ 30 đến 70% diện tích đất 3 khẩu hỗ trợ 30kg gạo trên khẩu 6 tháng	kg	540,0	14.000	7.560.000

Số: 216/1/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 31 tháng 12 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

V/v Bồi thường, hỗ trợ bổ sung lần 2 dự án: Khu lâm viên thành phố

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu V/v ban hành quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 2029/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND thành phố Lai Châu V/v phê duyệt bổ sung lần 2 phương án bồi thường, hỗ trợ dự án: Khu lâm viên thành phố;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 1428/TTr-TNMT ngày 31/12/2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình bà Đinh Thị Mai và đồng sử dụng đất hộ gia đình ông Nguyễn Xuân Tú - Cư trú tại Tổ 14, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là: **241.234.735 đồng**.

(Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi một triệu hai trăm ba mươi tư nghìn bảy trăm ba mươi lăm đồng).

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt bổ sung lần 2 phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.



- Địa điểm tại Trụ sở UBND phường Tân Phong.
- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình bà Đinh Thị Mai và đồng sử dụng đất hộ gia đình ông Nguyễn Xuân Tú có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc: Trung tâm phát triển quỹ đất, Ban Quản lý dự án thành phố; Chủ tịch UBND phường Tân Phong; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Hữu Cam

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ**

Dự án: Khu lâm viên thành phố Lai Châu

Kèm theo Quyết định số: 2161/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của UBND thành phố Lai Châu

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Phương án thẩm định		
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
1	2		4	5	6=4*5
1	Họ và tên: Đinh Thị Mai, Nguyễn Xuân Tú (Đông sử dụng đất)				
	Địa chỉ thường trú: Tổ 14 phường Tân Phong				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ ( a+b+c+d).				241.234.735
a	Về đất				42.352.400
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	1.218,3		
2	Loại đất:				
2.1	Đất trồng cây hàng năm	m <sup>2</sup>	465,1	36.000	16.743.600
	Đất trồng cây lâu năm		753,2	34.000	25.608.800
	Vị trí: vị trí 1				
	<p>Nguồn gốc: Đất bà Mai nhận chuyển nhượng của bà Bùi Thị Nhuận từ năm 1994. Đất bà Nhuận mượn của Nông trường trước năm 1993 không có giấy tờ (không nằm trong diện tích đất công ty chế biến giao cho thành phố quản lý). Đối chiếu HSĐC phần diện tích 39,3 m2 chồng lấn lên thửa 70 TĐĐ 8; 169,3 m2 chồng lấn lên thửa 96 TĐĐ 8; 308,5 m2 chồng lấn lên thửa 69 TĐĐ 8; 7,0 m2 chồng lấn lên thửa 67 TĐĐ 8; 16,5 m2 chồng lấn lên thửa 92 TĐĐ 8; 24,0 m2 chồng lấn lên thửa 112, TĐĐ 8 và 8,0 m2 chồng lấn lên thửa 87 TĐĐ 7 hiện trạng do bà Mai sử dụng được xác định có cùng nguồn như trên. Hiện trạng sử dụng ổn định, không tranh chấp có ranh giới rõ ràng với các hộ liền kề. Phần diện tích chồng lấn là do sai số giữa các lần đo và xác định mốc, ranh giới chưa chính xác.</p>				
c	Về tài sản vật kiến trúc				8.876.951
	(Hỗ trợ theo điểm a khoản 1 điều 1 Quyết định 46/2016/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của UBND tỉnh Lai Châu)				
1	Nhà khung cột gỗ đường kính cột nhỏ hơn 20 cm (6.75*4.0)	m <sup>2</sup>	27,0		Không được bồi thường do tự ý chuyển đổi mục đích sử dụng đất
2	Trát tooc xi (28.5*2.9)	m <sup>2</sup>	82,7		
3	Trần tôn (6.7*2.9)	m <sup>2</sup>	19,4		
4	Nền lát gạch liên doanh (3.9*6.5)	m <sup>2</sup>	25,4		
5	Bán mái xây gạch bi T12cm mái lợp pro XM nền lát gạch liên doanh (6*2.1)	m <sup>2</sup>	12,6		
6	Cửa gỗ (ba lô) (2.1*1)	m <sup>2</sup>	2,1		
7	Cửa ghép gỗ (1.0*2)	m <sup>2</sup>	2,0		
8	Bán mái khung sắt lợp tôn (3.3*3.3)	m <sup>2</sup>	10,9		
9	Nền BT đá dăm dày 10cm (3.4*6.7)	m <sup>2</sup>	22,8		
10	Mái lợp Pro XM (3.5*6.7)*2	m <sup>2</sup>	46,9		
11	Tường xây gạch bi T12cm (4.6*1.1)	m <sup>2</sup>	5,1	127.600	



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Phương án thẩm định		
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
12	Trụ cổng xây gạch bi (1.9*0.4*0.4)	m <sup>3</sup>	0,3	546.700	166.197
13	Công hoa sắt (1.7*1.7)	m <sup>2</sup>	2,9	123.200	356.048
14	Trát vữa XM không đánh màu (9.2*1.1)	m <sup>2</sup>	10,1	27.500	278.300
15	Nhà xây gạch bi tường 12 cm mái lợp pro xi măng nền láng vữa xi măng cao 2.7m (4.5*3.7)	m <sup>2</sup>	16,7		
16	Nền láng vữa xi măng dày 3 cm (1.5*2.2)	m <sup>2</sup>	3,3		
17	Bể xây gạch đỏ T11cm có nắp BTCT (1.95*1.45*1.6)	m <sup>3</sup>	4,5		
18	Bể xây gạch bi T12cm không nắp (1.6*1.8*1.5)	m <sup>3</sup>	4,3		
19	Nền bê tông đá dăm dày 10 cm (1.7*2.4)	m <sup>2</sup>	4,1		
20	Bóc tách chuồng gà	m <sup>2</sup>			
20,1	Cửa sắt (0.45*2.15)*2	m <sup>2</sup>	1,9	123.200	238.392
20,2	Lưới B40 (0.45*2)	m <sup>2</sup>	0,9	25.000	22.500
29	Bóc tách nhà vệ sinh				
29,1	Xí xôm	cái	1,0		
29,2	Mái tôn (1.2*1.5)	m <sup>2</sup>	1,8		
29,3	Ngói Pro xi măng	viên	5,0		
29,4	Bể phốt xây gạch bi tường 12cm (1.5*1.2*1.5)	m <sup>3</sup>	2,7		
29,5	Cọc BTCT 4*(1.8*0.15*0.1)	m <sup>3</sup>	0,11		
30	Nền BT đá dăm dày 10cm (1*4)	m <sup>2</sup>	4,0		
31	Chuồng chó xây gạch lợp Pro XM nền láng VXM (1.2*1.5)	m <sup>2</sup>	1,8	341.000	613.800
32	Nền láng VXM dày 3 cm (1.2*4)	m <sup>2</sup>	4,8	39.600	190.080
33	Bán mái xây gạch bi T12cm nền láng VXM mái lợp tôn cao 2.2 m (4*2.7)	m <sup>2</sup>	10,8		
34	Bóc tách nhà tắm	m <sup>2</sup>			
35	Tường xây gạch đỏ T11 cm (6.7*2.2)	m <sup>2</sup>	14,7		
36	Mái lợp Pro XM (1.8*1.6)	m <sup>2</sup>	2,9		
37	Nền láng VXM dày 3cm (1.8*1.5)	m <sup>2</sup>	2,7		
38	Bể xây gạch đỏ T11cm có nắp BTCT (2*1.4*1.3)	m <sup>3</sup>	3,6		
39	Bếp lò xây gạch đỏ (1.9*0.9*0.8)	m <sup>3</sup>	1,4		
40	Bán mái xây gạch bi T12cm nền lát gạch liên doanh mái lợp Pro xi măng (4*2.9)	m <sup>2</sup>	11,6		
41	Nền BT đá dăm dày 10 cm (3.5*3.5)	m <sup>2</sup>	12,3		
42	Tường xây gạch bi T12cm (8.1*1.2)	m <sup>2</sup>	9,7	127.600	1.240.272
43	Bể xây gạch đỏ tường 11cm không nắp (1.3*1.8*0.7)	m <sup>3</sup>	1,6	631.400	1.034.233
44	Cọc BTCT 20*(0.15*0.15*1.8)	m <sup>3</sup>	0,8	1.393.700	1.128.897
45	Dây thép gai	m	200,0	5.000	1.000.000



TT	Tên các hạng mục	Đơn vị tính	Phương án thẩm định		
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
46	Hố đào thủ công (1,4*1,4*1,8)*2	m <sup>3</sup>	7,1	82.500	582.120
47	Trát vữa xi măng đánh màu (1,4*1,8*4*2)	m <sup>3</sup>	20,2	31.900	643.104
48	Nền láng VXM dày 3 cm (1,4*1,4)*2	m <sup>3</sup>	2,9	39.600	155.232
49	Hố đào đất thủ công (1,4*1,4*1,8)*2	m <sup>2</sup>	7,1	82.500	582.120
<b>d</b>	<b>Về cây cối hoa màu</b>				<b>32.708.184</b>
1	Cây mít bán kính phát tán từ 2 đến 4 m	cây	3,0	360.000	1.080.000
2	Cây roi bán kính tán từ 2 đến 4 m	cây	1,0	480.000	480.000
3	Cây bưởi bán kính tán từ 1 đến 2 m	cây	1,0	360.000	360.000
4	Cây khế bán kính tán từ 1 đến 2 m	cây	1,0	192.000	192.000
5	Cây nhãn bán kính tán từ 2 đến 4 m	cây	1,0	624.000	624.000
6	Cây xoài bán kính tán từ 1 đến 2 m	cây	1,0	360.000	360.000
7	Cây đào bán kính tán từ 1 đến 2 m	cây	1,0	360.000	360.000
8	Cây ăn quả thơm bầu chưa xuất vườn	cây	67,1	96.000	6.441.600
9	Cây bưởi bán kính tán từ 2 đến 4 m	cây	1,0	480.000	480.000
10	Cây bơ bán kính tán từ 2 đến 4 m	cây	1,0	540.000	540.000
13	Cây dâu tằm	m <sup>2</sup>	2,0	7.200	14.400
14	Cây xoan D= 5-10 cm	cây	3,0	30.000	90.000
15	1 Cây xoan D=30, H=7m	m <sup>3</sup>	0,5	480.000	237.384
16	Cây giềng	m <sup>2</sup>	2,0	14.400	28.800
17	Sản lượng chè 720 m <sup>2</sup> * 25 tấn/ha * 2 năm	kg	3600	5.500	19.800.000
18	Cây lấy gỗ trồng từ 2 đến 5 năm	cây	15	24.000	360.000
20	Cây lấy gỗ D= 5-10cm	cây	1	30.000	30.000
21	Cây keo D= 10-25cm	cây	1	42.000	42.000
22	Cây ổi R=1-2m	cây	1	360.000	360.000
23	Cây nhãn R=1-2m	cây	1	420.000	420.000
24	Chậu cây cảnh	chậu	17	24.000	408.000
<b>e</b>	<b>Về chính sách hỗ trợ</b>				<b>157.297.200</b>
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại điều 17 Quyết định 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3 lần giá đất trồng cây hàng năm).	m <sup>2</sup>	465,1	108.000	50.230.800
2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại điều 17 Quyết định 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3 lần giá đất trồng cây lâu năm).	m <sup>2</sup>	753,2	102.000	76.826.400
3	Hỗ trợ ổn định đời sống mất đất trên 70% diện tích đất 3 khẩu hỗ trợ 30kg gạo trên khẩu 24 tháng	kg	2160,0	14.000	30.240.000



Số: *262*/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày *31* tháng 12 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

V/v Bồi thường, hỗ trợ bổ sung lần 2 dự án: Khu lâm viên thành phố

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu V/v ban hành quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 2029/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND thành phố Lai Châu V/v phê duyệt bổ sung lần 2 phương án bồi thường, hỗ trợ dự án: Khu lâm viên thành phố;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số *1128*/TTr-TNMT ngày *31* /12/2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn Nghĩa - Cư trú tại Tổ 22, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là: **39.096.000 đồng.**

(*Bằng chữ: Ba mươi chín triệu không trăm chín mươi sáu nghìn đồng chẵn.*)

(*Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo.*)

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt bổ sung lần 2 phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND phường Tân Phong.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình ông Nguyễn Văn Nghĩa có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc: Trung tâm phát triển quỹ đất, Ban Quản lý dự án thành phố; Chủ tịch UBND phường Tân Phong; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Hữu Cam



**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ**

Dự án: Khu làm vườn và nhà ở phố Lai Châu

Kèm theo Quyết định số: 2162 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2019 của UBND thành phố Lai Châu



TT	Tên các hạng mục	Phương án thẩm định		
		Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=4*5</i>
1	Họ và tên: Nguyễn Văn Nghĩa			
	Địa chỉ thường trú: Tổ 22 phường Đông Phong			
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ ( a+b)			39.096.000
a	Về đất			39.096.000
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	36,2	
2	Loại đất:			
2.1	Đất ở đô thị	m <sup>2</sup>	36,2	1.080.000
	Vị trí: vị trí 1 Đường Nguyễn Viết Xuân (Đoạn từ tiếp giáp đường Trần Phú đến tiếp giáp đường Thanh Niên)			
	Nguồn gốc: Được cấp giấy chứng nhận QSD đất số BX 792703 cấp ngày 26/7/2017 do nhận chuyển nhượng của ông Hà Tiến Việt được Văn phòng Đăng ký QSD đất xác nhận ngày 28/7/2017. Đối chiếu HSDC phần diện tích đất 14,5 m2 thuộc thửa 106, TĐĐ 7 đang quy chủ cho UBND phường quản lý thực tế là của UBND phường đề nghị đơn vị đo đạc điều chỉnh ranh giới thửa đất theo đúng ranh giới thực tế.			
b	Về tài sản vật kiến trúc			
1	Bê tông cốt thép (8*0,25*0,3)*3	m <sup>3</sup>	1,8	Không bồi thường do bị lập biên bản vi phạm xử lý hành chính và ngừng thi công công trình xây dựng
2	Bê tông cốt thép (12*0,35*0,25)*2	m <sup>3</sup>	2,1	
3	Cột BTCT (0,25*0,25*4,1)*6	m <sup>3</sup>	1,5	
4	Móng nhà xây gạch (1,4*2,0*8)*3	m <sup>3</sup>	67,2	
5	Móng nhà xây gạch (1,4*2,0*12)*2	m <sup>3</sup>	67,2	
6	Chi phí nhân công			

Số 2163/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 31 tháng 12 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

V/v Bồi thường, hỗ trợ bổ sung lần 2 dự án: Khu lâm viên thành phố

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu V/v ban hành quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 2029/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND thành phố Lai Châu V/v phê duyệt bổ sung lần 2 phương án bồi thường, hỗ trợ dự án: Khu lâm viên thành phố;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 1128/TTr-TNMT ngày 31/12/2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị Kiều - Cư trú tại Tổ 14, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là: **50.567.400 đồng**.

(Bằng chữ: Năm mươi triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn bốn trăm đồng chẵn).

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt bổ sung lần 2 phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.



- Địa điểm tại Trụ sở UBND phường Tân Phong.
- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình bà Nguyễn Thị Kiều có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc: Trung tâm phát triển quỹ đất, Ban Quản lý dự án thành phố; Chủ tịch UBND phường Tân Phong; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Bùi Hữu Cam**

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ**  
**Dự án: Khu làm viên thành phố Lai Châu**

Kèm theo Quyết định số: *263/QĐ-UBND* ngày *07* tháng *12* năm 2019 của UBND thành phố Lai Châu



TT	Tên các hạng mục	Đơn vị	Phương án thẩm định		
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
1	Họ và tên: Nguyễn Thị Kiều				
	Địa chỉ thường trú: Tổ 14 phường Tân Phong				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ ( a+b+c+d+e)				50.567.400
a	Về đất				5.094.000
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	141,5		
2	Loại đất:				
	Vị trí 1				
	Đất trồng cây hàng năm		141,5	36.000	5.094.000
	Vị trí: vị trí 1				
	<p>Nguồn gốc: Đất của bà niều hạn chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Nghĩa (chồng là Lương Văn Thắng) từ ngày 20/2/2007. Bà Nghĩa nhận chuyển nhượng của bà Đỗ Thị Tròn từ tháng 11/2004 được UBND phường Tân Phong xác nhận ngày 30/3/2006. Đất bà Tròn mượn của Nông trường từ năm 1983 đến tháng 1/1993 mới xin xác nhận (không nằm trong diện tích công ty chèn bàn giao cho thành phố). Đối chiếu HSĐC phần diện tích chồng lấn 21,5 m<sup>2</sup> lên thửa 92 TĐĐ số 8 hiện trạng do bà Kiều sử dụng được xác định có cùng nguồn gốc như trên, hiện trạng sử dụng không tranh chấp. Phần diện tích chồng lấn là do sai số trong các lần đo đạc.</p>				
c	Về tài sản vật kiến trúc				3.820.400
1	Bê phốt xây gạch đỏ T11cm (2.0*1.0*2.0)	m <sup>3</sup>	4,0	842.600	3.370.400
2	Ngói Pro xi măng	viên	10,0	45.000	450.000
d	Về cây cối hoa màu				6.211.000
1	Cây đào bán kính tán từ 1 đến 2 m	cây	1,0	360.000	360.000
2	Cây bơ bán kính tán từ 1 đến 2 m	cây	1,0	360.000	360.000
3	Cây ăn quả thơm bầu chưa xuất vườn	m <sup>2</sup>	18,0	96.000	1.728.000
4	Cây khế trồng hạt năm thứ 4	cây	1,0	192.000	192.000
5	Cây đào, mận trồng hạt năm thứ ba	cây	3,0	132.000	396.000
6	Cây xoài ăn quả trồng hạt năm thứ tư	cây	4,0	192.000	768.000
7	Cây quất bán kính tán từ 1 đến 2 m	cây	1,0	192.000	192.000
8	Cây nhãn bán kính tán từ 1 đến 2 m	cây	2,0	420.000	840.000
9	Sản lượng chè 60 m <sup>2</sup> * 25 tấn/ha * 2 năm	cây	250,0	5.500	1.375.000
e	Về chính sách hỗ trợ				35.442.000



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Phương án thẩm định		
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại điều 17 Quyết định 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3 lần giá đất trồng cây hàng năm).	m <sup>2</sup>	141,5	108.000	15.282.000
2	Hỗ trợ ổn định đời sống mất đất trên 70% diện tích đất 2 khẩu hỗ trợ 30kg gạo trên khẩu 24 tháng	kg	1440,0	14.000	20.160.000

Số: 2164/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 31 tháng 12 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

V/v Bồi thường, hỗ trợ bổ sung lần 2 dự án: Khu lâm viên thành phố

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu V/v ban hành quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 2029/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND thành phố Lai Châu V/v phê duyệt bổ sung lần 2 phương án bồi thường, hỗ trợ dự án: Khu lâm viên thành phố;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 1428/TTr-TNMT ngày 31/12/2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị Nghĩa và ông Lương Văn Thắng - Cư trú tại Tổ 14, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là: **92.574.944 đồng.**

(Bằng chữ: Chín mươi hai triệu năm trăm bảy mươi tư nghìn chín trăm bốn mươi bốn đồng chẵn).

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt bổ sung lần 2 phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.



- Địa điểm tại Trụ sở UBND phường Tân Phong.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình bà Nguyễn Thị Nghia và ông Lương Văn Thắng có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc: Trung tâm phát triển quỹ đất, Ban Quản lý dự án thành phố; Chủ tịch UBND phường Tân Phong; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Hữu Cam

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ**

Dự án: Khu làm việc thành phố Lai Châu

Kèm theo Quyết định số: 2164/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2019 của UBND thành phố Lai Châu

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Phương án thẩm định		
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
1	Họ và tên: Nguyễn Thị Nghĩa, Lương Văn Thắng				
	Địa chỉ thường trú: Tổ 14 - phường Tân Phong				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ ( a+b+c+d).				92.574.944
<b>a</b>	<b>Về đất</b>				16.401.600
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	455,6		
2	Loại đất:				
2.1	Đất trồng cây hàng năm	m <sup>2</sup>	455,6	36.000	16.401.600
	Vị trí: vị trí 1				
	Nguồn gốc: Đất của ông Thắng nhận chuyển nhượng của bà Đỗ Thị Tròn từ tháng 11/2004. Đất của bà Tròn mượn của nông trường từ năm 1983 đến tháng 1/1993 mới xin xác nhận. (Tuy nhiên phần diện tích này không nằm trong phần diện tích bàn giao của công ty chèn cho thành phố). Việc chuyển nhượng giữa ông Thắng và Nghĩa với bà Tròn được UBND phường xác nhận ngày 30/3/2006 sử dụng ổn định không tranh chấp. Đối chiếu HSDC phần diện tích chồng lấn 452,6 m <sup>2</sup> thuộc thửa 92 TĐĐ số 8; 0,2 m <sup>2</sup> thuộc thửa 01 TĐĐ 64; 2,8 m <sup>2</sup> thuộc thửa 10 TĐĐ 64 hiện trạng đo gia đình ông Thắng và Nghĩa sử dụng ổn định ranh giới rõ ràng không tranh chấp với ai. Nguyên nhân chồng lấn do khi đo đạc địa chính chưa xác định đúng ranh giới thửa đất. Nguồn gốc có cùng nguồn gốc như trên.				
<b>b</b>	<b>Về tài sản vật kiến trúc</b>				6.738.540
1	Cọc sắt Φ 60 dày 2 ly	m	48,0	51.480	2.471.040
2	Lưới B40 (1.5*17)	m <sup>2</sup>	25,5	25.000	637.500
3	Lưới B40 (1.8*10)+(1.8*10)+(1.8*20)	m <sup>2</sup>	72,0	25.000	1.800.000
4	Tôn quây (0.5*20) (Tính bằng mái lợp tôn)	m <sup>2</sup>	10,0	115.500	1.155.000
5	Ngói Pro xi măng	viên	15,0	45.000	675.000
<b>c</b>	<b>Về cây cối hoa màu</b>				10.150.004
1	Cây bơ bán kính tán từ 1 đến 2 m	cây	3	360.000	1.080.000
2	Cây ăn quả ươm bầu chưa xuất vườn	m <sup>2</sup>	15	96.000	1.440.000
3	Cây chuối cao trên 1,2 m chưa buồng	cây	5	24.000	120.000
4	Cây xoan D=40cm, H=7m	m <sup>3</sup>	0,9	480.000	422.016
5	Cây xoan đường kính từ 10 đến 25 cm	cây	2	42.000	84.000
6	Cây tre D= 5-10 cm	cây	110	30.000	3.300.000
7	Cây tre D<5cm	cây	20	18.000	360.000



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Phương án thẩm định		
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
8	Sản lượng chè 67m <sup>2</sup> *25 tấn/ha * 2 năm	kg	335	5.500	1.842.500
9	Cây xoan D=40cm, H=7m	m <sup>3</sup>	0,9	480.000	422.016
10	Cây gỗ xua D=5-10cm	cây	1	204.000	204.000
11	Cây xoan D = 30 cm, H= 6m	m <sup>3</sup>	0,4	480.000	203.472
12	Cây bơ bán kính tán từ 2 đến 4 m	cây	1	540.000	540.000
13	Cây xoan D = 10- 25cm	cây	2	42.000	84.000
14	cây chuối cao dưới 1,2 m	cây	1	18.000	18.000
15	Cây xoan D = 5-10 cm	cây	1	30.000	30.000
d	Về chính sách hỗ trợ				59.284.800
2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại điều 17 Quyết định 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3 lần giá đất trồng cây hàng năm).	m <sup>2</sup>	455,6	108.000	49.204.800
3	Hỗ trợ ổn định đời sống mất đất từ 30-70% diện tích đất 4 khẩu hỗ trợ 30kg gạo trên khẩu 6 tháng	kg	720,0	14.000	10.080.000

Số 2/687/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 31 tháng 12 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

V/v Bồi thường, hỗ trợ bổ sung lần 2 dự án: Khu lâm viên thành phố

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu V/v ban hành quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 2029/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND thành phố Lai Châu V/v phê duyệt bổ sung lần 2 phương án bồi thường, hỗ trợ dự án: Khu lâm viên thành phố;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 1428/TTr-TNMT ngày 31/12/2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị Đáng - Cư trú tại Tổ 14, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là: **1.809.366 đồng**.

(Bằng chữ: Một triệu tám trăm linh chín nghìn ba trăm sáu sáu đồng).

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt bổ sung lần 2 phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND phường Tân Phong.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ



thì hộ gia đình bà Nguyễn Thị Đáng có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc: Trung tâm phát triển quỹ đất, Ban Quản lý dự án thành phố; Chủ tịch UBND phường Tân Phong; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
CHỦ TỊCH



Bùi Hữu Cam

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ**

Dự án: Khu làm viên thành phố Lai Châu

Kèm theo Quyết định số: 2165/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của UBND thành phố Lai Châu



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Phương án thẩm định		
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
1	Họ và tên: Nguyễn Thị Đáng				
	Địa chỉ thường trú: Tổ 14 phường Tân Phong thành phố Lai				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ ( a+b+c).				1.809.366,00
a	Về đất				816.000
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	24,0		
2	Loại đất:				
2.1	Đất trồng cây hàng năm	m <sup>2</sup>	24,0	34.000	816.000
	Vị trí: vị trí 1				
	Nguồn gốc: Đất của bà Đáng mượn của Nông trường từ năm 1979 không có giấy tờ (không nằm trong phần diện tích công ty chèn bàn giao cho UBND thành phố quản lý). Phần diện tích chồng lấn 24 m <sup>2</sup> lên thửa đất số 92 TĐĐ số 7 và thửa 92 TĐĐ số 8 thực tế là của bà Đáng có nguồn gốc như trên được xác định là hiện trạng sử dụng ổn định, không tranh chấp, ranh giới rõ ràng với những hộ liền kề. Nguyên nhân chồng lấn do sai số giữa các lần đo đạc.				
b	Về tài sản vật kiến trúc				993.366
1	Cọc BTCT (0.1*0.1*2.0)*9	m <sup>4</sup>	0,2	1.393.700	250.866
2	Dây thép gai	m	58,5	5.000	292.500
3	Ngói Pro xi măng	viên	10,0	45.000	450.000



Số: 2166/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 31 tháng 12 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

V/v Bồi thường, hỗ trợ bổ sung lần 2 dự án: Khu lâm viên thành phố

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu V/v ban hành quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 2029/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND thành phố Lai Châu V/v phê duyệt bổ sung lần 2 phương án bồi thường, hỗ trợ dự án: Khu lâm viên thành phố;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 1428/TTr-TNMT ngày 31/12/2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Nguyễn Thế Vinh - Cư trú tại Tổ 14, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là: **89.608.015 đồng.**

(Bằng chữ: Tám mươi chín triệu sáu trăm linh tám nghìn không trăm mười năm đồng).

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt bổ sung lần 2 phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND phường Tân Phong.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình ông Nguyễn Thế Vinh có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc: Trung tâm phát triển quỹ đất, Ban Quản lý dự án thành phố; Chủ tịch UBND phường Tân Phong; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Hữu Cam



**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ**  
**Dự án: Khu lập viên thành phố Lai Châu**

Kèm theo Quyết định số: 2166 /QĐ-UBND ngày: 21 tháng 11 năm 2016 của UBND thành phố Lai Châu

TT	Tên các hạng mục	Phương án thẩm định		
		Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
1	2	4	5	6=4*5
1	Họ và tên: Nguyễn Thế Vinh			
	Địa chỉ thường trú: Tổ 14 phường Tân Phong			
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ ( a+b+c+d).			89.608.015
a	Về đất			11.718.000
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	325,5	
2	Loại đất:			
2.1	Đất trồng cây hàng năm	m <sup>2</sup>	325,5	36.000
	Vị trí: vị trí 1			
	Nguồn gốc: Nhận tặng cho quyền sử dụng một phần diện tích đất của bà Đinh Thị Mai từ 20/7/2006. Đất bà Mai nhận chuyển nhượng của bà Bùi Thị Nhuận từ năm 1994. Đất bà Nhuận mượn của Nông trường trước năm 1993, không có giấy tờ, sử dụng ổn định, không tranh chấp			
b	Về tài sản vật kiến trúc			26.549.215
	(Hỗ trợ theo điểm a khoản 1 điều 1 Quyết định 46/2016/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của UBND tỉnh Lai Châu)			
1	Nhà xây gạch bi tường 12cm nền lát gạch liên doanh mái lợp pro xi măng trần bạt dứa (3.9*5.2) (Tính bằng nhà xây gạch ép tường 12cm không hiện BTCT mái lợp pro xi măng trần nhựa, nền lát gạch liên doanh trừ đơn giá trần nhựa 120340 cộng đơn giá bạt dứa 5000)	m <sup>2</sup>	20,3	
				Không được bồi thường xây dựng trên đất đã thu hồi dự án năm 2006
2	Tường xây gạch bi tường 12 cm (9.5*1.5)	m	14,3	127.600
3	Hỗ trợ di chuyển təc nước	cái	1,0	145.200
4	Cọc BTCT (0.1*0.15*1.8)*35	m <sup>3</sup>	0,9	1.393.700
5	Tôn quây (2*8.2)	m <sup>2</sup>	16,4	115.500
6	Dây thép gai (5*41.0)	m	205,0	5.000
7	Sắt I: 10*5.5 dày 4 ly	m	6,0	14.200
8	Khung sắt V5 dày 5 ly (vì kèo) (6*1.2)*3 (tính bằng cầu kiện sắt thép)	m <sup>2</sup>	21,6	825.000
9	Giàn mướp sắt Φ16 dày 1,5 ly	m	30,0	9.720
10	Ống sắt Φ60 dày 1,5 ly	m	3,0	38.880
11	Sắt C 4x8 dày 1,5 ly	m	4,0	33.840

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Phương án thẩm định		
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
12	Bán mái khung sắt lợp Pro xi măng (3.4*3.7)	m <sup>2</sup>	12,6		Không được bồi thường do tự ý chuyển đổi mục đích sử dụng đất
13	Nền láng vữa xi măng dày 3 cm (3.4*3.7)	m <sup>2</sup>	12,6	39.600	498.168
14	Lưới B40 (14*1.5)	m <sup>2</sup>	21,0	25.000	525.000
15	Lưới B40 (3.4*1.5)	m <sup>2</sup>	5,1	25.000	127.500
16	Lưới B40 (20*1.5)	m <sup>2</sup>	30,0	25.000	750.000
<b>d</b>	<b>Về cây cối hoa màu</b>				<b>6.106.800</b>
1	Cây xoan D=5-10cm	Cây	2,0	30.000	60.000
2	Cây ổi R= 1-2 m	cây	2,0	360.000	720.000
3	Cây ươm bầu chưa xuất vườn	m <sup>2</sup>	31,3	96.000	3.004.800
4	Cây hoa hòe trồng từ 2 đến 5 năm	Cây	4,0	48.000	192.000
5	Cây gỗ lát 2-5 năm	Cây	6,0	60.000	360.000
6	Cây mỡ 2-5 năm	Cây	2,0	24.000	48.000
7	Cây thuốc nam đã cho thu hoạch	m <sup>2</sup>	4,0	54.000	216.000
8	Chậu cây cảnh	Cây	20,0	24.000	480.000
9	Ngũ gia bì (tính bằng hỗ trợ di chuyển chậu cây cảnh)	Cây	1,0	24.000	24.000
10	Cây chuối h<1,2m	Cây	5,0	18.000	90.000
11	Chậu cây cảnh	chậu	38,0	24.000	912.000
<b>e</b>	<b>Về chính sách hỗ trợ</b>				<b>45.234.000</b>
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại điều 17 Quyết định 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3 lần giá đất trồng cây hàng năm).	m <sup>2</sup>	325,5	108.000	35.154.000
2	Hỗ trợ ổn định đời sống mất đất trên 70% diện tích đất 1 khẩu hỗ trợ 30kg gạo trên khẩu 24 tháng	kg	720,0	14.000	10.080.000



Số: *2167*/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày *31* tháng 12 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

V/v Bồi thường, hỗ trợ bổ sung lần 2 dự án: Khu lâm viên thành phố

**UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu V/v ban hành quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 2029/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND thành phố Lai Châu V/v phê duyệt bổ sung lần 2 phương án bồi thường, hỗ trợ dự án: Khu lâm viên thành phố;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số *1428*/TTr-TNMT ngày *31* /12/2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Trần Đức Minh - Cư trú tại Tổ 01, phường Đoàn Kết, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là: **101.304.000 đồng**.

(*Bằng chữ: Một trăm linh một triệu ba trăm linh tư nghìn đồng chẵn*).

(*Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo*).

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt bổ sung lần 2 phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND phường Tân Phong.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình ông Trần Đức Minh có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc: Trung tâm phát triển quỹ đất, Ban Quản lý dự án thành phố; Chủ tịch UBND phường Tân Phong; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



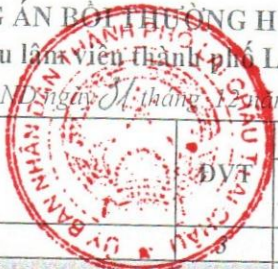
Bùi Hữu Cam



**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ**

Dự án: Khu liên viên thành phố Lai Châu

Kèm theo Quyết định số: 2167/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2019 của UBND thành phố Lai Châu



TT	Tên các hạng mục	Phương án thẩm định		
		Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
1	2	4	5	6=4*5
1	Họ và tên: Trần Đức Minh			
	Địa chỉ thường trú: Tổ 1 phường Đoàn Kết			
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ ( a+b)			101.304.000
a	Về đất			101.304.000
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	93,8	
2	Loại đất:			
2.1	Đất ở đô thị	m <sup>2</sup>	93,8	1.080.000
	Vị trí: vị trí 1 Đường Nguyễn Viết Xuân (Đoạn từ tiếp giáp đường Trần Phú đến tiếp giáp đường Thanh Niên)			
	Nguồn gốc: Một phần thửa đất trong ranh giới thu hồi đã được cấp GCN QSD đất số BX 792704 cấp ngày 26/7/2017. Đối chiếu HSĐC một phần diện tích chồng lấn 7,2 m2 thuộc thửa đất 110 tờ bản đồ số 7 do tại thời điểm đo đạc cấp GCNQSD đất xác định chưa chính xác mốc, ranh giới thửa đất, hiện trạng sử dụng ổn định, không tranh chấp, có nguồn gốc với GCN đã cấp. Phần diện tích 30 m2 trong ranh giới thu hồi quy chủ cho ông Trần Đức Minh thuộc thửa 106 TĐĐ số 7 đất DTL đang quy chủ cho UBND phường quản lý thực tế là đất của UBND phường đề nghị đơn vị tư vấn điều chỉnh ranh giới theo đúng ranh giới thực tế			
c	Về tài sản vật kiến trúc			
1	Bê tông cốt thép (9*0,25*0,3)*3	m <sup>3</sup>	2,0	Không bồi thường do bị lập biên bản vi phạm xử lý hành chính và ngừng thi công công trình xây dựng
2	Bê tông cốt thép (12*0,35*0,25)*2	m <sup>3</sup>	2,1	
3	Cột BTCT (0,25*0,25*4,1)*6	m <sup>3</sup>	1,5	
4	Móng nhà xây gạch (1,4*2,4*8)*3	m <sup>3</sup>	80,64	
5	Móng nhà xây gạch (1,4*2,4*12)*2	m <sup>3</sup>	80,64	
6	Chi phí nhân công			

Số 168/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 31 tháng 12 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

V/v Bồi thường, hỗ trợ bổ sung lần 2 dự án: Khu lâm viên thành phố

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu V/v ban hành quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 2029/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND thành phố Lai Châu V/v phê duyệt bổ sung lần 2 phương án bồi thường, hỗ trợ dự án: Khu lâm viên thành phố;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 1428/TTr-TNMT ngày 31/12/2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Bùi Hải Trung - Cư trú tại Tổ 25, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là: **156.461.400 đồng**.

(Bằng chữ: Một trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn bốn trăm đồng chẵn).

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt bổ sung lần 2 phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.



- Địa điểm tại Trụ sở UBND phường Tân Phong.
- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình ông Bùi Hải Trung có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc: Trung tâm phát triển quỹ đất, Ban Quản lý dự án thành phố; Chủ tịch UBND phường Tân Phong; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Hữu Cam

**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ**  
**Dự án: Khu lâm viên thành phố Lai Châu**

Kèm theo Quyết định số: 2468 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của UBND thành phố Lai Châu

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Phương án thẩm định		
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
I	2		4	5	6=4*5
1	Họ và tên: Bùi Hải Trung				
	Địa chỉ thường trú: Tổ 25 phường Đông Phong				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ ( a+b+c+d).				156.461.400
a	Về đất				17.132.600
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	503,9		
2	Loại đất:				
2.1	Đất trồng cây lâu năm	m <sup>2</sup>	503,9	34.000	17.132.600
	Vị trí: vị trí 1				
	<p>Nguồn gốc: Được nhà nước công nhận QSD đất, GCN QSD đất số BT 024931 cấp ngày 17/5/2016; BT 049845 cấp ngày 17/10/2016 và BT 049424 cấp ngày 05/8/2014. Đối chiếu HSDC phần diện tích chồng lấn lên thửa 84 TĐĐ số 7; thửa 86 TĐĐ số 7; thửa 124 TĐĐ số 7 là do sai số giữa các lần đo đạc chưa chính xác việc xác định mốc, ranh giới thửa đất. Nguồn gốc đất có cùng nguồn gốc với những GCNQSD đất đã cấp. Hiện trạng sử dụng ổn định không tranh chấp. Phần diện tích chồng lấn lên thửa 106 TĐĐ số 7 đang quy chủ cho UBND phường quản lý thực tế là đất của UBND phường. Đề nghị đơn vị đo đạc điều chỉnh ranh giới thửa đất đúng ranh giới thực tế.</p>				
b	Về tài sản vật kiến trúc				62.890.600
	(Hỗ trợ theo điểm a khoản 1 điều 1 Quyết định 46/2016/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của UBND tỉnh Lai Châu)				
1	Bóc tách nhà vệ sinh xây gạch bi tường 18cm mái lợp tôn nền lát gạch liên doanh cao 2.6m (1.7*2.2)				
1,1	Tường xây gạch bi T18cm (2.6*7.8)	m <sup>2</sup>	20,28	149.600	Xây dựng trên đất nông nghiệp không tính toán bồi thường, hỗ trợ
1,2	Trát vữa xi măng không đánh màu (2.6*7.8)*2	m <sup>2</sup>	40,56	27.500	
1,3	Mái tôn (1.7*2.2)	m <sup>2</sup>	3,74	115.500	
1,4	Nền lát gạch liên doanh (1.6*2.0)	m <sup>2</sup>	3,2	143.000	
1,5	xi bết	cái	1,0	1.000.000	
1,6	Bê phốt xây gạch bi tường 12cm (3*1.5*1.5)	m <sup>3</sup>	6,8	644.215	
2	Nền lát gạch liên doanh (3*1.5)	m <sup>2</sup>	4,5	143.000	
3	Chuồng gà xây gạch bi nền lán VXM mái lợp tôn (6*2.3)	m <sup>2</sup>	13,8	341.000	4.705.800
4	Nền bê tông đá dăm dày 20 cm (1.5*6)	m <sup>2</sup>	9,0	83.600	752.400



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Phương án thẩm định		
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
5	Óp gạch liên doanh (1.5*2.5)	m <sup>2</sup>	3,8	235.400	Xây dựng trên đất nông nghiệp không tính toán bồi thường, hỗ trợ
6	Bố bờ hoàn chỉnh	m	10,0	48.400	484.000
7	Đường bê tông đá dăm dày 10 cm (0.8*15)	m <sup>2</sup>	12,0	83.600	1.003.200
8	Chuồng gà ghép gỗ, mái lợp ngói (2*1.7)	m <sup>2</sup>	3,4	269.500	916.300
9	Tường xây gạch bi tường 12 cm (60*1,8)	m <sup>2</sup>	108,0	127.600	13.780.800
10	Kè đá xây (6*9*1)	m <sup>3</sup>	54,0	392.700	21.205.800
11	Kè đá xây (4*6*1)	m <sup>3</sup>	24,0	392.700	9.424.800
12	Lưới B40 (25*1.5)	m <sup>2</sup>	37,5	25.000	937.500
13	Téc nước	cái	1,0	145.200	Xây dựng trên đất nông nghiệp không tính toán bồi thường, hỗ trợ
14	Kè đá xây (2*4*1)	m <sup>2</sup>	8,0	392.700	3.141.600
15	Tường xây gạch bi tường 12 cm (1*8)	m <sup>2</sup>	8,0	127.600	1.020.800
16	Nền bê tông đá dăm dày 10 cm (12*5.5)	m <sup>2</sup>	66,0	83.600	5.517.600
17	Đổ đất đắp đất bằng máy (27,8*3,0*10)	m <sup>3</sup>	834,0		
<b>c</b>	<b>Về cây cối hoa màu</b>				<b>9.920.400</b>
1	Sản lượng chè 60 m <sup>2</sup> *25 tấn/ha/năm*2 năm	kg	300	7.000	2.100.000
2	Cây ươm bầu chưa xuất vườn	m <sup>2</sup>	64,6	96.000	6.201.600
3	Cây đu đủ đã cho thu hoạch	cây	2	144.000	288.000
4	Cây xoài bán kính tán từ 1 đến 2 m	cây	1	360.000	360.000
5	Rau màu gói vụ	m <sup>2</sup>	8	9.600	76.800
6	Cây ổi trồng hạt năm thứ 2	cây	1	66.000	66.000
7	Cây trồng ngay đường kính từ 5 đến 10cm (Tính bằng cây hoa hòe)	cây	3	84.000	252.000
8	Hoa cây cảnh trồng theo hàng dài	m	4	84.000	336.000
9	Cây tùng (Tính bằng hoa cây cảnh đã cho thu hoạch 5m <sup>2</sup> )	cây	5	48.000	240.000
<b>d</b>	<b>Về chính sách hỗ trợ</b>				<b>66.517.800</b>
1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại điều 17 Quyết định 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3 lần giá đất trồng cây lâu năm).	m <sup>2</sup>	503,9	102.000	51.397.800
2	Hỗ trợ ổn định đời sống mất đất trên 70% diện tích đất 3 khẩu hỗ trợ 30kg gạo trên khẩu 12 tháng	kg	1080,0	14.000	15.120.000